

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05-37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-37



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 23/07/2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	
Ông Trần Mạnh Hà	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 16/05/2015
Ông Nguyễn Cao Cường	Ủy viên	
Ông Vũ Văn Trục	Ủy viên	
Ông Trần Nguyên Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 16/05/2015
Ông Đặng Trần Phúc	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 16/05/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Nguyên Hùng	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 16/07/2015
Ông Nguyễn Cao Cường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/07/2015
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 16/07/2015
Ông Trần Nguyên Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/07/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thanh Tụ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Số: 1391 /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biển
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		559.124.126.083	374.044.705.817
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	347.532.091.808	234.092.697.111
111	1. Tiền		234.727.466.808	123.043.697.111
112	2. Các khoản tương đương tiền		112.804.625.000	111.049.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		200.549.753.865	138.002.455.008
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	63.207.207.075	56.015.458.981
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.177.033.781	375.972.987
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	136.165.513.009	81.611.023.040
140	IV. Hàng tồn kho	7	362.823.458	257.516.709
141	1. Hàng tồn kho		362.823.458	257.516.709
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.679.456.952	1.692.036.989
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.493.017.741	1.032.710.689
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		8.186.439.211	468.093.461
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	191.232.839
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		163.599.015.815	165.339.036.037
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.354.917.800	2.110.165.618
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	2.354.917.800	2.110.165.618
220	II. Tài sản cố định		146.759.535.801	145.230.709.199
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	137.350.292.444	135.599.365.024
222	- Nguyên giá		185.849.288.779	178.952.986.979
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.498.996.335)	(43.353.621.955)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	9.409.243.357	9.631.344.175
228	- Nguyên giá		10.765.649.421	10.765.649.421
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.356.406.064)	(1.134.305.246)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	888.680.000	3.460.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		888.680.000	3.460.000.000
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	12.791.699.068	12.878.481.276
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		11.291.699.068	11.272.919.276
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.500.000.000	1.605.562.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		804.183.146	1.659.679.944
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	804.183.146	1.659.679.944
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		722.723.141.898	539.383.741.854

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		431.190.247.553	268.405.035.919
310	I. Nợ ngắn hạn		431.190.247.553	268.405.035.919
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	72.630.025.103	18.488.987.335
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		16.494.237.351	10.315.759.541
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	18.278.462.750	14.394.933.502
314	4. Phải trả người lao động		121.583.000	7.625.235.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		102.696.438	288.589.385
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	321.829.715.390	216.159.416.536
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.733.527.521	1.132.114.620
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		291.532.894.345	270.978.705.935
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	291.532.894.345	270.978.705.935
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		103.177.040.000	103.177.040.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		103.177.040.000	103.177.040.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		41.816.120.654	41.816.120.654
415	3. Cổ phiếu quỹ		(100.030.000)	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		24.989.189.178	12.899.497.006
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		55.786.103.434	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		48.922.921.692	95.256.219.498
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ trước		25.947.817.773	47.753.537.329
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ này		22.975.103.919	47.502.682.169
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		16.941.549.387	17.829.828.777
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		722.723.141.898	539.383.741.854

Đoàn Thu Hà

Nguyễn Thanh Tuyền

Trần Nguyên Hùng

Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	275.850.863.645	281.570.774.001
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		275.850.863.645	281.570.774.001
11	4. Giá vốn hàng bán	18	167.522.000.778	190.944.649.001
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		108.328.862.867	90.626.125.000
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	3.338.534.459	5.266.955.648
22	7. Chi phí tài chính	20	3.725.975.388	1.561.521.065
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	922.818.663
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		18.779.792	2.426.906.086
25	9. Chi phí bán hàng	21	17.844.091.481	22.485.395.985
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	55.134.850.235	53.424.151.780
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.981.260.014	20.848.917.904
31	12. Thu nhập khác		256.850.965	147.900.201
32	13. Chi phí khác		4.481.700	4.092.065
40	14. Lợi nhuận khác		252.369.265	143.808.136
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.233.629.279	20.992.726.040
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	8.341.691.375	4.962.346.934
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26.891.937.904	16.030.379.106
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		22.975.103.919	12.508.438.704
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		3.916.833.985	3.521.940.402
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	2.228	1.432



Đoàn Thu Hà
Người lập



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		35.233.629.279	20.992.726.040
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.129.059.800	5.215.922.629
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(517.272.515)	214.944.980
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.820.024.207)	(4.862.629.494)
06	- Chi phí lãi vay		-	922.818.663
08	13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		39.025.392.357	22.483.782.818
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(71.174.660.748)	(43.349.160.555)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(105.306.749)	(1.593.591.906)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		154.863.306.959	73.887.251.389
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(604.810.254)	(2.864.021.495)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(22.818.663)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.668.861.674)	(5.083.134.179)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	3.094.520.132
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(766.774.901)	(459.393.483)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		116.568.284.990	46.093.434.058
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.905.413.803)	(6.261.395.142)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		821.140.747	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(9.685.757.127)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.090.520.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.610.891.248	59.407.636.637
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.473.381.808)	47.551.004.368
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	4.352.240.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(100.030.000)	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	2.434.160.285
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	(3.383.586.757)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(72.751.000)	(12.869.104.420)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(172.781.000)	(9.466.290.892)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		112.922.122.182	84.178.147.534

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		234.092.697.111	152.342.187.433
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		517.272.515	423.757.422
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>347.532.091.808</u>	<u>236.944.092.389</u>

Handwritten signature

Handwritten signature



Người lập
Đoàn Thu Hà

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Trần Nguyên Hùng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 23/07/2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 103.177.040.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 103.177.040.000 đồng; tương đương 10.317.704 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý vận tải. Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa. Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa. Đại lý tàu biển. Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển. Hoạt động của các đại lý vé máy bay;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới hàng hải;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh). Vận tải đa phương thức quốc tế;
- Dịch vụ đóng gói. Chi tiết: Đóng gói bao bì hàng hóa (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bao bì, chèn lót (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Cho thuê văn phòng làm việc;
- Chuyển phát. Chi tiết: Phát chuyển nhanh hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê vỏ container;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép. Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán bao bì, chèn lót. Mua bán vỏ container;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán thực phẩm tươi sống, hàng thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện. Chi tiết: Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú). Chi tiết: Sản xuất, gia công quần áo (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất, gia công máy móc - thiết bị - phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Sản xuất giày dép. Chi tiết: Sản xuất, gia công giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ) (không hoạt động tại trụ sở);
 - Cho thuê xe có động cơ;
 - Điều hành tua du lịch;
 - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
 - Đại lý du lịch.
- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2015 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Đại lý vận tải
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Cosfi	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH SITC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Giao nhận và đại lý tàu biển
Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Safi	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

(*) Theo Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 20 tháng 09 năm 2014 thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam là 15.401.445.000 đồng tương đương 874.300 USD. Trong đó, vốn góp của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI là 306.000 USD đồng chiếm 35% vốn điều lệ; Công ty Freightworld Pte.Ltd là 568.300 USD chiếm 65% vốn điều lệ. Số vốn điều lệ bổ sung là 274.300 USD được hoàn tất việc góp vốn trong vòng 36 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 04. Theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam, các bên tham gia góp vốn thống nhất tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của các bên vẫn giữ nguyên như Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu cho đến khi các bên tham gia góp vốn bổ sung thực hiện việc góp vốn thực tế. Tại ngày 01/07/2015, số vốn bổ sung đã được góp đầy đủ. Vì vậy, tại thời điểm 30/06/2015 khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam vẫn được Công ty ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty con với tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 51%.

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2015 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	23,00%	23,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 30.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

0

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.



2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Dự phòng giảm giá về đầu tư được lập tại thời điểm cuối kỳ đối với các khoản đầu tư tài chính vào đơn vị khác căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại dịch vụ chưa hoàn thành.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 447,1 m² đất tại số nhà 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với thời gian sử dụng lâu dài và không trích khấu hao đối với tài sản này;
- Quyền sử dụng 9.488,4 m² đất tại Lô 39, Đường số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm và trích khấu hao theo thời gian sử dụng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	7.121.717.925	2.961.520.124
Tiền gửi ngân hàng	225.065.649.520	118.216.098.043
Tiền đang chuyển	2.540.099.363	1.866.078.944
Các khoản tương đương tiền	112.804.625.000	111.049.000.000
	<u>347.532.091.808</u>	<u>234.092.697.111</u>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất là 4%/năm đến 4,3%/năm đối với tiền Việt Nam đồng và 0,1%/năm đến 0,25%/năm đối với tiền gửi ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí MinhBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Dầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (*)				
- Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	7.736.380.000	11.291.699.067	7.736.380.001	11.272.919.276
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	4.350.780.000	4.350.780.000	4.350.780.001	4.350.780.001
Dầu tư vào đơn vị khác	3.385.600.000	6.940.919.067	3.385.600.000	6.922.139.275
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines	1.500.000.000	1.500.000.000	1.605.562.000	1.605.562.000
- Logistic - Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Dầu tư trái phiếu	-	-	5.000.000	5.000.000
- Dầu tư dài hạn khác	-	-	100.562.000	100.562.000
	9.236.380.000	12.791.699.067	9.341.942.001	12.878.481.276
Dự phòng				

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo Phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên Báo cáo tài chính của Công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm lập BCTC hợp nhất

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	23,00%	23,00%	Dịch vụ giao nhận quốc tế và kinh doanh vận tải

(1) Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ, Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) (tên cũ là Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen Quốc tế (Việt Nam)) là 600.000 USD, trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

Cũng theo hợp đồng liên doanh thì Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đã hết thời hạn hoạt động kinh doanh vào ngày 05/09/2014. Đến thời điểm 30/06/2015, Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam) đang thực hiện các thủ tục để giải thể. Việc thanh lý khoản đầu tư sẽ thực hiện khi hoàn tất thủ tục giải thể, do đó việc ghi giảm giá gốc khoản đầu tư và các chi phí liên quan đến thanh lý cũng như tài sản được phân chia (nếu có) sẽ được ghi nhận tại thời điểm đó.

(2) Theo hợp đồng liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI, Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn, Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt và KCTC và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, thì vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2015	2014
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận đã trả		
Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	Công ty liên kết	- 56.926.496.563

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu các hãng Forwarding	9.518.017.020	8.490.642.719
Phải thu các hãng Tàu	6.628.692.542	3.804.654.256
Phải thu khách hàng Logistic	16.880.467.543	21.736.072.810
Phải thu khách hàng kho và đội xe	6.694.271.967	4.479.780.067
Phải thu khách hàng vận tải quốc tế	23.363.922.881	17.504.309.129
Các khoản phải thu khách hàng khác	121.835.122	-
	63.207.207.075	56.015.458.981

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thiệu,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	136.165.513.009	-	81.611.023.040	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	108.406.200	-
- Tạm ứng	7.911.977.939	-	5.142.802.164	-
- Ký cược, ký quỹ	446.502.820	-	541.480.918	-
- Phải thu cước xuất phòng Air	15.259.750	-	108.110.927	-
- Phải thu cước xuất phòng Sea	12.182.700	-	101.034.391	-
- Phải thu cước nhập các hãng đại lý	2.678.590.980	-	2.079.938.289	-
- Phải thu cước và các khoản chi hộ khác	123.969.403.857	-	73.206.838.473	-
- Phải thu khác	1.131.594.963	-	322.411.678	-
b) Dài hạn	2.354.917.800	-	2.110.165.618	-
- Ký cược, ký quỹ	2.354.917.800	-	2.110.165.618	-
	138.520.430.809	-	83.721.188.658	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	362.823.458	-	257.516.709	-
	<u>362.823.458</u>	<u>-</u>	<u>257.516.709</u>	<u>-</u>

8 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Mua sắm tài sản cố định	888.680.000	3.460.000.000
	<u>888.680.000</u>	<u>3.460.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	125.384.551.057	1.957.284.954	49.593.858.955	2.017.292.013	178.952.986.979
- Mua trong kỳ	126.866.314	-	7.992.936.488	129.991.000	8.249.793.802
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.353.492.002)	-	(1.353.492.002)
Số dư cuối kỳ	125.511.417.371	1.957.284.954	56.233.303.441	2.147.283.013	185.849.288.779
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	23.002.777.666	310.641.589	18.586.818.401	1.453.384.299	43.353.621.955
- Khấu hao trong kỳ	2.104.652.810	125.983.728	3.421.679.532	254.642.912	5.906.958.982
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(761.584.602)	-	(761.584.602)
Số dư cuối kỳ	25.107.430.476	436.625.317	21.246.913.331	1.708.027.211	48.498.996.335
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	102.381.773.391	1.646.643.365	31.007.040.554	563.907.714	135.599.365.024
Tại ngày cuối kỳ	100.403.986.895	1.520.659.637	34.986.390.110	439.255.802	137.350.292.444

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.214.168.114 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	9.882.524.453	883.124.968	10.765.649.421
Số dư cuối kỳ	9.882.524.453	883.124.968	10.765.649.421
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	730.743.618	403.561.628	1.134.305.246
- Khấu hao trong kỳ	66.431.238	155.669.580	222.100.818
Số dư cuối kỳ	797.174.856	559.231.208	1.356.406.064
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	9.151.780.835	479.563.340	9.631.344.175
Tại ngày cuối kỳ	9.085.349.597	323.893.760	9.409.243.357

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.493.017.741	1.032.710.689
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.493.017.741	1.032.710.689
b) Dài hạn	804.183.146	1.659.679.944
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	804.183.146	1.633.164.938
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	26.515.006
	3.297.200.887	2.692.390.633

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Phải trả các Công ty Airlines	9.657.337.225	9.657.337.225	6.774.726.634	6.774.726.634
- Phải trả chi phí Logistic và Sea	53.931.096.842	53.931.096.842	6.117.254.315	6.117.254.315
- Phải trả các đối tượng khác	9.041.591.036	9.041.591.036	5.597.006.386	5.597.006.386
	72.630.025.103	72.630.025.103	18.488.987.335	18.488.987.335

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	191.232.839		806.708.008	14.157.012.037	13.720.178.868		-		1.052.308.338			
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.261.937.471	8.341.691.375	4.668.861.674		-		4.934.767.172			
Thuế Thu nhập cá nhân	-		1.305.354.221	5.159.298.100	5.957.214.594		-		507.437.727			
Các loại thuế khác	-		11.020.933.802	75.257.753.307	74.494.737.596		-		11.783.949.513			
	191.232.839		14.394.933.502	102.915.754.819	98.840.992.732		-		18.278.462.750			

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

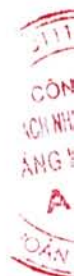
Số 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	585.433.755	550.026.740
- Bảo hiểm xã hội	55.466.410	61.965.029
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	60.462.022.841	38.894.325.679
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	153.587.530	226.338.530
- Phải trả cước nhập các hãng đại lý	21.359.447.391	22.762.316.672
- Phải trả cước và các khoản thu hộ khác	235.669.882.695	152.506.376.074
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.543.874.768	1.158.067.812
	<u>321.829.715.390</u>	<u>216.159.416.536</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND		VND	VND			VND	VND		
Số dư đầu kỳ trước	87.044.800.000	33.636.120.654	-	-	9.369.763.914	-	-	116.479.022.997	16.307.136.103	-	262.836.843.668
Tăng vốn trong kỳ trước	4.352.240.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.352.240.000
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	12.508.438.704	3.521.940.402	-	16.030.379.106
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.529.733.092	-	-	(16.586.453.092)	(2.407.019.898)	-	(15.463.739.898)
Giảm do thanh lý Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(567.579.804)	-	-	(567.579.804)
Số dư cuối kỳ trước	91.397.040.000	33.636.120.654	-	-	12.899.497.006	-	-	111.833.428.805	17.422.056.607	-	267.188.143.072
Số dư đầu kỳ nay	103.177.040.000	41.816.120.654	-	-	12.899.497.006	-	-	95.256.219.498	17.829.828.777	-	270.978.705.935
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	22.975.103.919	3.916.833.985	-	26.891.937.904
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	12.089.692.172	-	55.786.103.434	(69.308.401.725)	(4.805.113.375)	-	(6.237.719.494)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(100.030.000)	-	-	-	-	-	-	(100.030.000)
Số dư cuối kỳ nay	103.177.040.000	41.816.120.654	-	(100.030.000)	24.989.189.178	55.786.103.434	-	48.922.921.692	16.941.549.387	-	291.532.894.345

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ - ĐHD/CD/SAFI - 2015 ngày 16 tháng 05 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền	
	Tỷ lệ %	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	120.896.921.725
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	12.089.692.172
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	46,15%	55.786.103.434
Trích Ngân sách hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát	1,18%	1.432.606.119
(Chi trả cổ tức (bằng 50% vốn điều lệ) (*)	42,67%	51.588.520.000

(*) : Số tiền này đã được công ty chi trả trong năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Ông Nguyễn Hoàng Anh	18,43%	19.017.490.000	16,30%	16.817.490.000
Mutual fund Elite	5,02%	5.181.100.000	0,00%	-
America LLC	5,01%	5.167.000.000	0,00%	-
Vốn góp của cổ đông khác	71,44%	73.711.420.000	83,70%	86.359.550.000
Cổ phiếu quỹ	0,10%	100.030.000	0,00%	-
	100%	103.177.040.000	100%	103.177.040.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	103.177.040.000	91.397.040.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	103.177.040.000	87.044.800.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	4.352.240.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	103.177.040.000	91.397.040.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	13.056.720.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	13.056.720.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.317.704	10.317.704
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.317.704	10.317.704
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.317.704	10.317.704
Số lượng cổ phiếu được mua lại	10.003	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.003	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.307.701	10.317.704
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.307.701	10.317.704
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	24.989.189.178	12.899.497.006
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	55.786.103.434	-
	80.775.292.612	12.899.497.006

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	5.119.464	3.151.064,61

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	275.850.863.645	281.570.774.001
	<u>275.850.863.645</u>	<u>281.570.774.001</u>

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	167.522.000.778	190.944.649.001
	<u>167.522.000.778</u>	<u>190.944.649.001</u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.610.891.248	1.534.750.576
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	900.972.832
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.210.370.696	2.407.474.818
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	517.272.515	423.757.422
	<u>3.338.534.459</u>	<u>5.266.955.648</u>

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	922.818.663
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.720.975.388	638.702.402
Chi phí tài chính khác	5.000.000	-
	<u>3.725.975.388</u>	<u>1.561.521.065</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thù,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.192.508.136	1.041.019.244
Chi phí nhân công	11.683.380.399	15.832.029.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	911.840.748	744.497.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	829.048.654	550.176.514
Chi phí khác bằng tiền	3.227.313.544	4.317.673.524
	17.844.091.481	22.485.395.985

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.904.320.704	936.912.258
Chi phí nhân công	27.197.673.957	27.799.096.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.804.914.541	1.009.830.638
Thuế, phí, lệ phí	694.844.541	473.859.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.664.381.213	11.835.256.963
Chi phí khác bằng tiền	11.868.715.279	11.369.196.563
	55.134.850.235	53.424.151.780

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.233.629.279	20.992.726.040
Thu nhập tính thuế TNDN	35.233.629.279	20.992.726.040
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	8.341.691.375	4.962.346.934
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.261.937.471	3.844.717.854
Thuế phải nộp đầu kỳ của công ty con đã thanh lý		(154.999.982)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(4.668.861.674)	(5.083.134.179)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	4.934.767.172	3.568.930.627

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	22.975.103.919	12.508.438.704
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	22.975.103.919	12.508.438.704
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.313.036	8.733.495
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.228	1.432

(*) Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.152.005.061	2.634.643.055
Chi phí nhân công	40.702.113.943	44.581.023.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.129.059.800	5.196.732.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.548.596.313	189.538.954.477
Chi phí khác bằng tiền	27.186.776.608	24.902.843.617
	240.718.551.725	266.854.196.766

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	347.532.091.808	-	-	347.532.091.808
Phải thu khách hàng, phải thu khác	199.372.720.084	2.354.917.800	-	201.727.637.884
Đầu tư dài hạn	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
	546.904.811.892	3.854.917.800	-	550.759.729.692
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	234.092.697.111	-	-	234.092.697.111
Phải thu khách hàng, phải thu khác	137.626.482.021	2.110.165.618	-	139.736.647.639
Đầu tư dài hạn	-	1.605.562.000	-	1.605.562.000
	371.719.179.132	3.715.727.618	-	375.434.906.750

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	394.459.740.493	-	-	394.459.740.493
Chi phí phải trả	102.696.438	-	-	102.696.438
	<u>394.562.436.931</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>394.562.436.931</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	234.648.403.871	-	-	234.648.403.871
Chi phí phải trả	288.589.385	-	-	288.589.385
	<u>234.936.993.256</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>234.936.993.256</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại thời điểm ngày 01 tháng 07 năm 2015, Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam đã nhận số tiền góp vốn bổ sung là 274.300 USD tương đương 5.801.445.000 đồng và hoàn tất việc góp vốn của bên liên doanh Cosco Container Lines South East Asia Pte, Ltd. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam chính thức có hiệu lực từ tháng 07 năm 2015 là 35%. Do vậy, từ ngày 01 tháng 07 năm 2015, Công ty TNHH Cosco Container Lines Việt Nam trở thành công ty liên kết của Công ty Cổ phần đại lý vận tải Safi

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 209, Đường Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí MinhBảo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động Logistic VND	Hoạt động Forwarding VND	Dịch vụ đại lý hàng tàu, hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phần VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	94.573.310.320	141.137.071.471	40.140.481.854	275.850.863.645	275.850.863.645
Chi phí bộ phận trực tiếp	47.858.121.462	116.872.644.757	2.791.234.559	167.522.000.778	167.522.000.778
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	46.715.188.858	24.264.426.714	37.349.247.295	108.328.862.867	108.328.862.867
Tổng chi phí mua TSCĐ	8.249.793.802	-	-	8.249.793.802	8.249.793.802
Tài sản bộ phận	202.821.139.935	33.209.893.848	54.145.214.259	290.176.248.042	290.176.248.042
Tài sản không phân bổ	-	-	-	432.546.893.856	432.546.893.856
Tổng tài sản	202.821.139.935	33.209.893.848	54.145.214.259	722.723.141.898	722.723.141.898
Nợ phải trả bộ phận	216.297.101.404	54.343.392.435	147.968.724.386	418.609.218.225	418.609.218.225
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	12.581.029.328	12.581.029.328
Tổng nợ phải trả	216.297.101.404	54.343.392.435	147.968.724.386	431.190.247.553	431.190.247.553

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	961.389.000	881.016.000

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC.

2-C
TY
MIU
MTC
SC
TA-T

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Chênh lệch
-------	---------------	---------	-------	---------------	---------	------------

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

135	5. Các khoản phải thu khác	75.926.739.958	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	81.611.023.040	5.684.283.082
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	5.684.283.082	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(5.684.283.082)
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	-	210	I. Các khoản phải thu dài hạn	2.110.165.618	2.110.165.618
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	216	6. Phải thu dài hạn khác	2.110.165.618	2.110.165.618
268	3. Tài sản dài hạn khác	2.110.165.618	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(2.110.165.618)
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	103.177.040.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	103.177.040.000	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	-	411a	- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>103.177.040.000</i>	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	12.899.497.006	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	12.899.497.006	12.899.497.006
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	95.256.219.498	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	95.256.219.498	-
			421a	- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ</i>	47.753.537.329	-
			421b	- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	47.502.682.169	-
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	17.829.828.777	429	12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	17.829.828.777	17.829.828.777



Nguyễn Thanh Tuyền

Đoàn Thu Hà
Người lập

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Trần Nguyễn Hùng
Tổng Giám đốc
TP Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2015